|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG | **ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN** |
| **KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG** | Học kỳ: | **1** | Năm học: | **2021 - 2022** |
| Mã học phần: 7TC0050 |  Tên học phần: Tài chính quốc tế | Tín chỉ: 3 | Khóa: 25DB |
| Mã nhóm lớp HP: | 211\_7TC0050\_01 | - Đề thi số:  | **1** | - Mã đề thi:  | **1** |
| Thời gian làm bài: | 90 (phút) |
| Hình thức thi: | **Trắc nghiệm kết hợp tự luận** |

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

 **Hình thức nào sau đây là ví dụ của đầu tư trực tiếp nước ngoài ?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. | mua một công ty đang hoạt động ở quốc gia khác  |
| B. | thiết lập thương lượng cấp phép tại một quốc gia khác |
| C. | xuất khẩu sang quốc gia khác |
| D. | đầu tư vào thị trường chứng khoán nước ngoài không qua môi giới |

ANSWER: A

 **Lyù thuyeát naøo sau ñaây xaùc ñònh chuyeân moân hoùa laø ñoäng löïc cho thöông maïi quoác teá?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. | lyù thuyeát lôïi theá so saùnh. |
| B. | lyù thuyeát thò tröôøng khoâng hoaøn haûo. |
| C. | lyù thuyeát chu kì saûn phaåm. |
| D. | 3 caâu treân ñeàu sai. |

ANSWER: A

 **Libor là:**

|  |  |
| --- | --- |
| a. | lãi suất thường được tính cho các khoản vay giữa các ngân hàng  |
| b. | trần lãi suất cao nhất cho các khoản vay trên thị trường tiền tệ quốc tế.  |
| c. | trần lãi suất cao nhất cho các khoản tiền gửi trên thị trường tiền tệ quốc tế.  |
| d. | lãi suất cao nhất của các trái phiếu phát hành ở London. |

ANSWER: A

**Tỷ giá được yết tại các ngân hàng như sau:**

**Ngân hàng A: USD/SGD 1,21 – 1,23**

**Ngân hàng B: USD/SGDUSD 1,19 – 1,20**

**Khi hoạt động kinh doanh chênh lệch giá địa phương diễn ra thì:**

**A.** Tỷ giá mua USD ở ngân hàng A sẽ giảm, tỷ giá bán USD ở ngân hàng B sẽ tăng

**B.** Tỷ giá mua USD ở ngân hàng A sẽ tăng, tỷ giá bán USD ở ngân hàng B sẽ tăng

**C.** Tỷ giá mua USD ở ngân hàng A sẽ tăng, tỷ giá bán USD ở ngân hàng B sẽ giảm

**D.** Tỷ giá mua USD ở ngân hàng A sẽ giảm, tỷ giá bán USD ở ngân hàng B sẽ giảm

ANSWER: A

**Để tăng giá trị nội tệ bằng cách can thiệp trực tiếp vô hiệu hóa vào thị trường, ngân hàng trung ương sẽ………nội tệ, đồng thời…………chứng khoán kho bạc.**

**A.** Mua, mua

**B.** Mua, bán

**C.** Bán, mua

**D.** Bán, bán

ANSWER: A

**Giả sử có các thông tin sau:**

**Tỷ giá giao ngay NZD/USD = 0,41**

**Dự báo tỷ giá giao ngay NZD/USD 1 năm tới = 0,43**

**Tỷ giá kỳ hạn NZD/USD 1 năm tới = 0,42**

**Lãi suất của NZD/năm = 8%/năm**

**Lãi suất của USD/năm = 9%/năm**

**Nếu nhà đầu tư Mỹ thực hiện kinh doanh chênh lệch lãi suất có phòng ngừa (CIA) thì suất sinh lợi của CIA là…………%**

**A.** Khoảng 10,63

**B.** Khoảng 9,63

**C.** Khoảng 11,64

**D.** Khoảng 11,97

ANSWER: A

**Giả sử tỷ lệ lạm phát tại Thái Lan là 3%, trong khi ở Singapore là 8%. Theo ngang giá sức mua thì baht Thái sẽ……….giá……%.**

**A.** Tăng; 4,85

**B.** Giảm; 3,11

**C.** Tăng; 3,11

**D.** Giảm; 4,85

ANSWER: A

**Điều nào sau đây không đúng về IRP, PPP và IFE?**

**A.** (1) IRP cho rằng tỷ giá giao ngay sẽ thay đổi theo chênh lệch lãi suất giữa 2 quốc gia

**B.** (2) PPP cho rằng tỷ giá giao ngay sẽ thay đổi theo chênh lệch lạm phát giữa 2 quốc gia

**C.** (3) IFE cho rằng tỷ giá giao ngay sẽ thay đổi theo chênh lệch lãi suất giữa 2 quốc gia

**D.** (1), (2), (3) đều đúng

ANSWER: A

**Giả định Canada áp dụng hạn ngạch lên hành hóa nhập khẩu từ Mỹ và Mỹ trả đũa. Nếu các yếu tố khác không đổi, sự kiện này sẽ ngay lập tức làm \_\_\_\_ nguồn cung dollar Canada (tại Mỹ) và giá trị dollar Canada sẽ \_\_\_\_so với USD.**

**A.** giảm; tăng

**B.** tăng; tăng

**C.** tăng; giảm

**D.** giảm; giảm

ANSWER: A

**Kỹ thuật dự báo nào phù hợp nhất để mô tả việc sử dụng duy nhất cách thức tỷ giá giao ngay biến động trong quá khứ để dự báo tỷ giá giao ngay trong tương lai?**

**A.** dự báo kỹ thuật

**B.** dự báo căn bản

**C.** dự báo dựa vào thị trường

**D.** dự báo hỗn hợp

ANSWER: A

**Giả sử công ty sản xuất xe hơi tại Nhật xuất hàng sang Mỹ và được thanh toán bằng JPY. Cầu tại Mỹ đối với xe hơi sẽ giảm khi đồng JPY mạnh lên. Công ty này cũng đang sản xuất xe tại Mỹ dựa trên nguồn nguyên liệu tại đây và xe được bán bằng USD. Công ty sẽ giảm tổn thất kinh tế bằng cách:**

**A.** tăng sản xuất xe hơn tại Mỹ

**B.** đóng cửa hầu hết các nhà máy của mình tại Mỹ

**C.** dựa hoàn toàn vào nhà cung cấp các thành phần lắp ráp của xe từ Nhật

**D.** định giá xe xuất từ Nhật bằng USD

ANSWER: A

**PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 3 (1 điểm):** Trong bối cảnh nhà đầu tư Mỹ và nhà đầu tư Anh đang xem xét lãi suất và tỷ giá để đầu tư sang nước ngoài. Dựa tình trạng tại điểm A(x,y)=A(-5%, 5%) trong đồ thị IRP, nhà đầu tư Mỹ có kinh doanh chênh lệch lãi suất có bảo hiểm có lời hay không? Giải thích?

**Đáp án Câu 1:**

Điểm A nằm ngoài đường IRP nên CIA tồn tại.

iMỹ - iAnh = -5%<0, đầu tư vào Anh hấp dẫn hơn do lãi suất cao.

P=5%>0, đầu tư từ Mỹ vào Anh thuận lợi về tỷ giá (F>S)

Vậy, nhà đầu tư Mỹ có thể thực hiện CIA từ Mỹ vào Anh

**Câu 2 (2 điểm):** Johnson Ltd. là công ty đa quốc gia của Mỹ sẽ nhận về 800.000 NZD trong 6 tháng tới nhờ xuất được một đơn hàng quan trọng đến New Zealand. Biết rằng, tỷ giá giao ngay hiện tại là NZD/USD = 0,71. Công ty dự đoán tỷ giá giao ngay của NZD 1 năm tới như sau: 0,70 USD (xác suất 10%), 0,72 USD (xác suất 35%), 0,73 USD (xác suất 55%).

Sau khi tìm kiếm thông tin về các công cụ phòng vệ ở thị trường ngoại hối như sau :

Tỷ giá kỳ hạn 6 tháng của NZD là 0,725 USD.

Lãi suất USD là 8%/năm, lãi suất NZD là 5%/năm.

Quyền chọn (có thể Call hoặc Put) có giá thực hiện 0,715 USD, phí quyền chọn là 0,02 USD.

a. Hãy mô tả và tính toán dòng tiền từ các phương thức phòng vệ theo thông tin thị trường như trên, biết phòng vệ bằng thị trường tiền tệ cho kết quả như sau 584.229 USD (1,25 điểm). Phương pháp nào là phương pháp phòng vệ tối ưu trong trường hợp này? (0,25 điểm)

b. Công ty có nên thực hiện phòng vệ không? Hãy giải thích. (0,5 điểm)

**Đáp án Câu 2:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **2.** |  | **2 điểm** |
| **a.** | **Công ty có thể phòng ngừa rủi ro giao dịch bằng cách:****- Thỏa thuận hợp đồng kỳ hạn bán NZD 6 tháng.****- Phòng vệ trên thị trường tiền tệ****- Mua quyền chọn bán NZD** | **0.25 điểm** |
|  | **TH1: Phòng vệ bằng hợp đồng kỳ hạn bán 800.000 NZD thời hạn 6 tháng.****Lượng USD thu được khi bán NZD theo hợp đồng kỳ hạn: 800.000 x 0,725 = 580.000 USD** | **0.25 điểm** |
|  | **TH3: Phòng vệ bằng cách mua quyền chọn bán NZD (0.715)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dự báo S 1năm** | **Xác suất** | **Thực hiện/Không thực hiện** | **Lượng USD thu được khi bán 1 NZD** | **Tổng USD thu được** |
| **0,70** | **10%** | **Có** | **0,715-0,02=0,695** | **0,695 x 800000 = 556.000**  |
| **0,72** | **35%** | **Không** | **0,72 - 0,02 = 0,7** | **0.7 x 800000 = 560000** |
| **0,73** | **55%** | **Không** | **0,73 - 0,02 = 0,71** | **0.71 x 800000 = 568000**  |

 **Lượng USD bình quân cần chi:** **556.000 x 10% + 560.000 x 35% + 568.000 x 55% = 564.000(USD)** | **0.75 điểm** |
|  | **Trong 3 trường hợp, phòng vệ bằng thị trường tiền tệ là phương án phòng vệ tối ưu do thu được nhiều USD hơn cả**  | **0.25 điểm** |
| **b.** | **Nếu công ty không phòng vệ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **S** | **Xác suất** | **Lượng USD cần chi** |
| **0,70** | **10%** | **0,70 x 800.000 = 560000 USD** |
| **0,72** | **35%** | **576000 USD** |
| **0,73** | **55%** | **584000 USD** |

**Lượng USD cần chi bình quân:** **560.000 x 10% + 576.000 x 35% + 584.000 x 55% = 578.800 USD** **Phương án không phòng vệ thu về ít USD hơn phương án phòng vệ tối ưu là phòng vệ bằng thị trường tiền tệ, vì vậy công ty nên phòng vệ.** | **0.5 điểm** |

Câu 3 (2 điểm): Linh là chủ của một công ty xuất khẩu tại Việt Nam hằng tháng nhận về nguồn tiền lớn từ Canada từ việc bán sản phẩm kinh doanh của mình ở thị trường này, và công ty sẽ chuyển số đô la Canada thu được sang VND. Sự không chắc chắn về giá trị đồng đô la Canada là tất yếu do những điều kiện khác nhau, hiện tại thì lạm phát tại Việt Nam đang thấp hơn tương đối so với lạm phát tại Canada, và Linh dự đoán rằng lãi suất Canada sẽ giảm đáng kể so với lãi suất tại Việt Nam và tác động của lãi suất lấn át các tác động khác lên tỳ giá CAD/VND trong thời gian sắp tới. John sử dụng phương pháp dự báo cơ bản để dự báo giá trị của đồng đô la Canada trong thời gian 01 năm tới

a. John dự đoán giá trị đồng đô la Canada sẽ thay đổi như thế nào? (0,25 điểm) Giải thích? (0,5 điểm)

b. Khi đó, dòng tiền công ty của John bị ành hưởng như thế nào? (0,25 điểm) Giải thích? (0,25 điểm)

c. Nếu công ty quyết định phòng vệ bằng hợp đồng phái sinh cho dòng tiền kỳ tới, mô tả các thông tin chi tiết trong hợp đồng kỳ hạn giúp John có thể phòng vệ tổn thất giao dịch? (0,75 điểm)

**Đáp án Câu 3:**

**a. Kết quả của dự báo cơ bản: Trong điều kiện tác động lãi suất lấn át các tác động khác lên tỷ giá, lãi suất Canada thấp tương đối so với Mỹ, nhà đầu tư chuyển dịch nhu cầu đầu tư sang Mỹ, làm tăng cầu USD, tăng cung CAD, kết quả là CAD giảm giá so với USD.**

**b. Vì CF từ CAD là CF thu nên CF của MNC khi chuyển sang USD bị thu hẹp khi CAD giảm giá.**

**c. MNC ký kết NHTM hợp đồng kỳ hạn bán CAD, lượng CAD bán theo giá trị HĐ xuất khẩu, thời điểm đối tác thanh toán tiền hàng tháng, theo tỷ giá mua CAD của NHTM và kỳ vọng tỷ giá kỳ hạn này cao hơn tỷ giá giao ngay ở câu a và cao hơn tỷ giá giao ngay hiện tại thì càng tốt.**

*Ngày biên soạn: 16/11/2021*

**Giảng viên biên soạn đề thi: ThS. Hoàng Hoa Sơn Trà**

*Ngày kiểm duyệt: 19/ 11 /2021*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi:**

**TS. Mai Thanh Loan**